



**Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế
Bình Định (BIDIPHAR)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

4100259564

ngày 1 tháng 9 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp ngày 11 tháng 9 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Nam Bình
Ông Nguyễn Tiến Hải
Bà Phạm Thị Thanh Hương
Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Ông Trương Thanh Liêm
Bà Nguyễn Thị Minh Giang
Ông Phan Tấn Thư

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thị Minh Giang
Ông Phan Tấn Thư

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Phạm Thị Thanh Hương
Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 498 Đường Nguyễn Thái Học
Phường Quy Nhơn Nam
Tỉnh Gia Lai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, ngày 21 tháng 8 năm 2026

410
CÔNG
CỔ PH
C-TRANG
TẾ BÌNH
BIDIPH
TỈNH

42
HA
Y
M
01



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2026 và báo cáo soát xét ngày 22 tháng 8 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00416-26-1



Nguyễn Thủy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Phạm Thị Hoàng Anh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		1.554.112.546.745	1.424.724.636.193
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	40.998.064.127	188.591.213.418
Tiền	111		20.998.064.127	53.591.213.418
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	135.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9(a)	479.392.797.667	410.988.670.013
Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		479.391.404.367	410.987.276.713
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.881.213.970	441.333.328.534
Phải thu của khách hàng	131	10	462.619.820.464	459.313.853.193
Trả trước cho người bán	132	11	72.942.024.729	40.788.245.884
Phải thu ngắn hạn khác	135	13	9.837.017.645	4.485.239.662
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	12	(62.517.648.868)	(63.254.010.205)
Hàng tồn kho	140	14	528.236.510.576	363.748.145.497
Hàng tồn kho	141		554.657.161.210	395.258.175.758
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(26.420.650.634)	(31.510.030.261)
Tài sản ngắn hạn khác	160		22.603.960.405	20.063.278.731
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	15(a)	9.697.323.665	8.922.293.818
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		11.218.920.888	10.782.568.572
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	23(b)	1.687.715.852	358.416.341

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		1.154.915.968.107	1.079.252.754.203
Tài sản cố định	220		341.735.370.389	353.628.000.336
Tài sản cố định hữu hình	221	16	260.033.092.225	271.388.883.361
Nguyên giá	222		850.981.455.271	848.778.504.684
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(590.948.363.046)	(577.389.621.323)
Tài sản cố định vô hình	227	17	81.702.278.164	82.239.116.975
Nguyên giá	228		103.210.817.688	103.210.817.688
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.508.539.524)	(20.971.700.713)
Bất động sản đầu tư	240	18	6.241.610.827	-
Nguyên giá	241		6.942.700.361	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(701.089.534)	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		620.917.442.303	539.128.321.292
Xây dựng cơ bản dở dang	252	19	620.917.442.303	539.128.321.292
Đầu tư tài chính dài hạn	260	9(b)	129.381.582.971	129.381.582.971
Đầu tư vào các công ty con	261		35.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	262		92.868.048.000	92.868.048.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		3.513.534.971	3.513.534.971
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	270		56.639.961.617	57.114.849.604
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	15(b)	41.944.101.518	41.460.158.966
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	42(e)	14.695.860.099	15.654.690.638
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.709.028.514.852	2.503.977.390.396

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.063.610.715.028	840.408.269.325
Nợ ngắn hạn	310		703.050.240.299	567.847.376.961
Phải trả người bán	311	20	218.486.418.092	204.291.934.145
Người mua trả tiền trước	312	21	11.811.706.698	15.420.769.106
Phải trả cổ tức	313	22	190.075.119.250	1.600.459.750
Thuế phải nộp Nhà nước	314	23(a)	24.574.762.041	52.133.799.394
Phải trả người lao động	315		92.020.966.709	91.130.836.305
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	24	27.525.581.790	23.952.641.017
Doanh thu ngắn hạn chờ phân bổ	319		654.545.454	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	25	2.837.340.458	7.990.903.175
Vay ngắn hạn	321	26(a)	31.006.411.983	43.214.775.628
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	27	104.057.387.824	128.111.258.441
Nợ dài hạn	330		360.560.474.729	272.560.892.364
Vay dài hạn	339	26(b)	226.069.878.401	132.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	28	10.110.176.000	7.790.562.288
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	29	124.380.420.328	132.770.330.076
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.645.417.799.824	1.663.569.121.071
Vốn cổ phần	411	31	945.293.470.000	945.293.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		945.293.470.000	945.293.470.000
Thặng dư vốn	412		20.921.442.000	20.921.442.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	32	1.822.619.130	2.242.183.741
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	31	(1.952.796.558)	(1.952.796.558)
Quỹ đầu tư phát triển	418		230.880.981.458	230.880.981.458
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		448.452.083.794	466.183.840.430
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		297.641.127.952	243.473.755.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	420b		150.810.955.842	222.710.085.099
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.709.028.514.852	2.503.977.390.396

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Lê Thị Kiều My
 Người lập

Kế toán Trưởng

 Đỗ Huy Phương
 Kế toán Trưởng



Đại diện pháp luật

 Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	01	35	910.221.545.423	913.145.371.481
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	16.747.962.306	33.716.164.725
Doanh thu thuần từ bán hàng (10 = 01 - 02)	10	35	893.473.583.117	879.429.206.756
Giá vốn hàng bán	11	36	479.660.456.868	427.195.505.551
Lợi nhuận gộp từ bán hàng (20 = 10 - 11)	20		413.813.126.249	452.233.701.205
Doanh thu hoạt động tài chính	22	37	21.429.021.791	12.015.681.807
Chi phí tài chính	23	38	7.726.851.350	6.189.762.878
Trong đó: Chi phí đi vay	24		1.502.114.786	1.504.623.076
Chi phí bán hàng	25	39	196.004.867.285	216.336.722.481
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	47.249.071.981	53.278.775.598
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	30		184.261.357.424	188.444.122.055
Thu nhập khác	31		50.262.373	203.823.116
Chi phí khác	32		622.072.958	2.120.177.752
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(571.810.585)	(1.916.354.636)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		183.689.546.839	186.527.767.419
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	31.919.760.458	29.919.763.117
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	42	958.830.539	(151.607.103)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		150.810.955.842	156.759.611.405

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập



Lê Thị Kiều My
 Người lập

Kế toán Trưởng



Đỗ Huy Phương
 Kế toán Trưởng

Đại diện pháp luật





Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

025
 TY
 AN
 THIẾT
 BỊ
 ĐỊNH
 (BIDIPHAR)
 GIA L

M.S.C.N. 0109
 C
 CÔ
 TRẦN

T. T. N. H.
 NH

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	183.689.546.839	186.527.767.419
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	19.535.635.415	25.441.143.123
Các khoản dự phòng	03	(3.492.577.252)	(5.668.330.725)
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	219.075.310	(16.859.961)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(20.489.252.266)	(11.290.646.726)
Chi phí đi vay	06	1.502.114.786	1.504.623.076
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	180.964.542.832	196.497.696.206
(Tăng) các khoản phải thu và tài sản khác	09	(14.326.150.787)	(15.362.691.299)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(159.398.985.452)	58.536.212.562
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	40.674.858.026	(66.201.272.354)
(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12	(1.258.972.399)	665.001.207
		46.655.292.220	174.134.946.322
Chi phí đi vay đã trả	14	(1.502.114.786)	(1.605.116.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(60.888.588.335)	(19.720.273.750)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.248.815.372
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.629.597.684)	(3.265.783.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.365.008.585)	150.792.588.171
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(155.191.953.357)	(88.450.514.121)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(161.442.143.835)	(98.700.000.000)
Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	95.000.000.000	23.319.765.300
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.046.420.500	11.350.740.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(202.587.676.692)	(152.480.007.988)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	198.136.924.754	28.948.466.352
Tiền trả nợ gốc vay	34	(116.275.409.998)	(27.913.500.637)
Tiền chi trả cổ tức	36	(503.864.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81.357.650.256	1.034.965.715
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(147.595.035.021)	(652.454.102)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	188.591.213.418	302.102.399.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	1.885.730	(4.207.418)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	40.998.064.127	301.445.738.212

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập



Lê Thị Kiều My
Người lập

Kế toán Trường



Đỗ Huy Phương
Kế toán Trường

Đại diện pháp luật




Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần thứ 1 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 ngày 11 tháng 9 năm 2025 được cấp bởi Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

(b) Các hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 1.474 nhân viên (1/1/2026: 1.341 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi và bổ sung Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(l)).

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả trong Thuyết minh 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Sự thay đổi trong chính sách kế toán trên không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm khoản lãi phải thu liên quan). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải thu lãi tiền gửi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải thu lãi tiền gửi này được ghi nhận trong khoản mục phải thu khác (Thuyết minh 4(d)).

(ii) Đầu tư vào các công ty con, đầu tư vào một công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, khoản đầu tư vào một công ty liên kết và khoản đầu tư vào các đơn vị khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc không quá hạn nhưng được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như có đề cập ở Thuyết minh 4(c)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải thu lãi tiền gửi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản mục phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 43 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm, theo thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 4 năm đến 10 năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- (i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 46 đến 50 năm.

(ii) *Chi phí bảo trì và sửa chữa*

Chi phí bảo trì và sửa chữa các máy móc và thiết bị được phản ánh theo giá gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính riêng (Thuyết minh 4(l)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được trình bày trong khoản mục phải trả khác.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận vào thời điểm Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua nghị quyết phê duyệt việc chi trả cổ tức.

Như có đề cập ở Thuyết minh 4(k), sau ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên Công ty và phúc lợi xã hội theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

(p) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được sử dụng theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Định kỳ, doanh nghiệp lập Báo cáo về mức trích, sử dụng, quyết toán Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và nộp cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(q) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

2025
CÔNG TY
IỂN
THIẾT
BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH
(PHAR)
GIA L

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu mua lại của chính mình/cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu mua lại của chính mình/cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại (i) các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc (ii) mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(r) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(t) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con, cổ tức được chia từ một công ty liên kết và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và cổ tức được chia từ một công ty liên kết được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và cổ tức từ công ty liên kết được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(v) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Ngoại trừ một số thông tin được phân loại lại như được trình bày ở Thuyết minh 45, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và các thông tin so sánh khác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, các hoạt động này không chịu tác động đáng kể của tính thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	615.482.632	1.533.435.573
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng (*)	20.382.581.495	52.057.777.845
Các khoản tương đương tiền (**)	20.000.000.000	135.000.000.000
	40.998.064.127	188.591.213.418

(*) Chi tiết về số dư của các khoản tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng chiếm từ 10% trên tổng số dư của tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tên ngân hàng:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.332.492.117	37.951.135.811
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	5.175.057.696	1.158.105.718
▪ Các ngân hàng khác	5.875.031.682	12.948.536.316
	20.382.581.495	52.057.777.845

(**) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 4,70% đến 4,75% (1/1/2026: từ 4,30% đến 4,75%).

Chi tiết số dư của các khoản tương đương tiền chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tương đương tiền như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	10.000.000.000	26.000.000.000
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	10.000.000.000	30.000.000.000
▪ Các ngân hàng khác	-	79.000.000.000
	20.000.000.000	135.000.000.000

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh	1.393.300	1.393.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (a)	479.391.404.367	410.987.276.713
	479.392.797.667	410.988.670.013
Đầu tư tài chính dài hạn (b)		
Đầu tư vào các công ty con	35.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	92.868.048.000	92.868.048.000
Đầu tư vào các đơn vị khác	3.513.534.971	3.513.534.971
	131.381.582.971	131.381.582.971
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	129.381.582.971	129.381.582.971

102
C
Y
AN
THIET
BINH
(AR)
A LP

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị (Phân loại lại) VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)				
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	128.506.273.973	128.506.273.973	-	122.987.287.671
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Định	89.418.175.342	89.418.175.342	-	119.578.372.603
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	77.383.644.931	77.383.644.931	-	57.132.739.726
▪ Ngân hàng Việt Nam Hiện Đại – Chi nhánh Bình Định	76.376.356.164	76.376.356.164	-	76.068.904.110
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	71.254.136.986	71.254.136.986	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Định	36.452.816.971	36.452.816.971	-	35.219.972.603
	479.391.404.367	479.391.404.367	-	410.987.276.713

(*) Các số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 5,20% đến 8,50% (1/1/2026: từ 5,20% đến 8,50%).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phần	% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2026		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty con					
▪ Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar		100%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu Hữu cơ		100%	5.000.000.000	(*)	-
			35.000.000.000		
					-
Đầu tư vào một công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	7.145.389	33,58%	92.868.048.000	(*)	-
			92.868.048.000		-
Đầu tư vào các đơn vị khác					
▪ Công ty Cổ phần Thiên Phúc	200.000	10%	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	205.710	3,4%	1.513.534.971	(*)	-
			3.513.534.971		(2.000.000.000)
			131.381.582.971		(2.000.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được trình bày như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Công ty con Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	365 đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Bán buôn và bán lẻ dược phẩm, dược liệu và vật tư y tế
Công ty TNHH MTV Dược liệu Hữu cơ	Thôn 3, xã An Toàn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất dược phẩm, hóa dược và dược liệu
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Số 498 đường Nguyễn Thái Học, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
Các công ty khác Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	Số 16 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất dược phẩm, hóa dược và dược liệu
Công ty Cổ phần Thiên Phúc	Lô 4 đường Võ Duy Dương, cụm công nghiệp Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất, gia công chai lọ, ống thủy tinh

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu của khách hàng**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu từ các bên liên quan	17.096.443	26.943.840
Phải thu từ các bên thứ ba	462.602.724.021	459.286.909.353
	462.619.820.464	459.313.853.193

Xem thêm Thuyết minh 43 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	45.131.856.249	(45.131.856.249)	45.131.856.249	(45.131.856.249)
Các khách hàng khác	417.487.964.215	(13.753.352.980)	414.181.996.944	(14.492.816.717)
	462.619.820.464	(58.885.209.229)	459.313.853.193	(59.624.672.966)

11. Trả trước cho người bán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Khai Đạt	11.690.796.341	-
Công ty Kỹ thuật Việt Sơn	8.868.295.372	4.434.147.686
Công ty Công Nghệ Nam Việt	5.286.113.136	2.329.100.568
Công ty TNHH Cơ khí Dược Tuấn Thắng	4.185.000.000	-
Công ty Vàng bạc Đá quý Sacombank	4.099.944.800	83.314.000
Các nhà cung cấp khác	38.811.875.080	33.941.683.630
	72.942.024.729	40.788.245.884

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

30/6/2026				1/1/2026				
Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam (i)	Trên 3 năm	45.131.856.249	(45.131.856.249)	-	Trên 3 năm	45.131.856.249	(45.131.856.249)	
Công ty TNHH Kiến Tạo (ii)	Trên 3 năm	11.539.449.445	(11.539.449.445)	-	Trên 3 năm	11.560.756.445	(11.560.756.445)	
Các khách hàng khác	Trên 181 ngày	3.830.851.942	(2.213.903.535)	1.616.948.407	Trên 181 ngày	5.255.292.623	(2.932.060.272)	
		60.502.157.636	(58.885.209.229)	1.616.948.407			61.947.905.317	(59.624.672.966)
Trả trước								
cho người bán	Từ 1 đến 3 năm	1.470.549.538	(1.350.578.172)	119.971.366	Trên 181 ngày	1.474.299.538	(1.347.475.772)	
Phải thu khác	Trên 3 năm	2.281.861.467	(2.281.861.467)	-	Trên 3 năm	2.281.861.467	(2.281.861.467)	
		64.254.568.641	(62.517.648.868)	1.736.919.773			65.704.066.322	(63.254.010.205)
								2.450.056.117

(i) Công ty đã nhận được quyết định của Tòa án liên quan đến khoản phải thu còn tồn đọng này. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, khách hàng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định. Các thủ tục thi hành án hiện đang được tiến hành. Xét đến tính không chắc chắn liên quan đến thời điểm thu hồi và khả năng thu hồi khoản phải thu này, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đối với toàn bộ khoản phải thu nói trên.

(ii) Khách hàng đã đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán khoản nợ. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, khoản phải thu này đã quá hạn thanh toán trong thời gian đáng kể. Xét đến việc chậm thanh toán kéo dài và sự không chắc chắn về khả năng thu hồi khoản nợ, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đối với toàn bộ khoản phải thu này.



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	63.254.010.205	68.071.958.860
Dự phòng tăng trong kỳ	68.931.909	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(805.293.246)	(2.636.652.332)
Số dư cuối kỳ	62.517.648.868	65.435.306.528

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Phải thu bồi thường từ bảo hiểm (*)	4.992.665.042	-
Tạm ứng cho người lao động	1.284.696.221	349.414.190
Lãi tiền gửi phải thu	151.027.400	670.179.453
Các khoản phải thu khác	3.408.628.982	3.465.646.019
	9.837.017.645	4.485.239.662

(*) Phải thu bồi thường từ bảo hiểm thể hiện khoản tiền mà Công ty dự kiến sẽ nhận được từ đơn vị bảo hiểm liên quan đến thiệt hại gây ra do bão lũ ảnh hưởng đến hàng tồn kho của Công ty.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	14.337.560.174	-	21.005.148.055	-
Nguyên vật liệu	319.214.459.543	(25.360.650.820)	232.400.880.222	(30.381.868.122)
Công cụ và dụng cụ	2.094.159.260	-	1.470.071.105	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.533.712.507	-	26.910.964.654	-
Sản phẩm	168.892.057.937	(656.922.965)	110.664.290.036	(949.155.812)
Hàng hóa	12.585.211.789	(403.076.849)	2.806.821.686	(179.006.327)
	554.657.161.210	(26.420.650.634)	395.258.175.758	(31.510.030.261)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các yếu tố phân bổ phù hợp với bản chất của doanh nghiệp (bao gồm, nhưng không giới hạn, sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy móc vận hành, v.v.), đảm bảo tính minh bạch trong việc thể hiện giá thành sản phẩm và tính nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ báo cáo, Công ty đã xác định một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, suy giảm chất lượng và hết hạn sử dụng. Công ty thực hiện đánh giá định kỳ về khả năng thu hồi của các hàng tồn kho này, và thực hiện các biện pháp thích hợp như thanh lý, xóa sổ hoặc tái chế/tái sử dụng nếu khả thi, phù hợp với các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	31.510.030.261	26.955.944.409
Tăng dự phòng trong kỳ	224.070.522	46.245.567
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(5.313.450.149)	(3.335.782.235)
Số dư cuối kỳ	26.420.650.634	23.666.407.741

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 24.851 triệu VND (1/1/2026: 29.628 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển và 1.569 triệu VND (1/1/2026: 1.882 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	1.855.543.146	3.142.995.274
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.671.999.393	3.050.224.733
Tiền thuê trả trước	422.000.000	401.900.000
Khác	5.747.781.126	2.327.173.811
	9.697.323.665	8.922.293.818

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền thuê đất trả trước (*)	29.021.797.864	29.374.180.800
Chi phí bảo trì và sửa chữa	7.755.668.125	7.681.864.023
Công cụ và dụng cụ	2.433.765.532	2.693.070.863
Khác	1.711.043.280	1.711.043.280
	41.944.101.518	41.460.158.966

- (*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo hai (02) hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tiền thuê đất trả trước với giá trị ghi sổ là 7.239 triệu VND (1/1/2026: không có) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 26(b)).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	234.347.997.359	539.187.293.338	52.098.421.330	23.144.792.657	848.778.504.684
Tăng trong kỳ	507.949.593	1.245.269.696	5.390.996.436	-	7.144.215.725
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.576.978.858	2.974.907.482	-	8.551.886.340
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(6.942.700.361)	-	-	-	(6.942.700.361)
Xóa sổ	(1.137.000.000)	(5.280.796.572)	-	(132.654.545)	(6.550.451.117)
Số dư cuối kỳ	226.776.246.591	540.728.745.320	60.464.325.248	23.012.138.112	850.981.455.271
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	154.271.591.376	362.975.664.137	42.117.875.601	18.024.490.209	577.389.621.323
Khấu hao trong kỳ	2.865.914.571	16.195.427.813	1.206.659.262	542.280.728	20.810.282.374
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(701.089.534)	-	-	-	(701.089.534)
Xóa sổ	(1.137.000.000)	(5.280.796.572)	-	(132.654.545)	(6.550.451.117)
Số dư cuối kỳ	155.299.416.413	373.890.295.378	43.324.534.863	18.434.116.392	590.948.363.046
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	80.076.405.983	176.211.629.201	9.980.545.729	5.120.302.448	271.388.883.361
Số dư cuối kỳ	71.476.830.178	166.838.449.942	17.139.790.385	4.578.021.720	260.033.092.225

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 432.452 triệu VND (1/1/2026: 431.881 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 112.165 triệu VND (1/1/2026: 118.269 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 26(b)).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Chi tiết về số dư của các khoản tài sản cố định hữu hình chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tài sản cố định hữu hình (trình bày theo giá trị còn lại) như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm ung thư	40.257.099.225	43.450.146.973
Nhà máy sản xuất thuốc tiêm ung thư	33.251.026.858	33.671.103.347
Các tài sản cố định hữu hình khác	186.524.966.142	194.267.633.041
	260.033.092.225	271.388.883.361

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	82.343.592.946	20.867.224.742	103.210.817.688
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.159.172.292	17.812.528.421	20.971.700.713
Khấu hao trong kỳ	113.156.766	423.682.045	536.838.811
Số dư cuối kỳ	3.272.329.058	18.236.210.466	21.508.539.524
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	79.184.420.654	3.054.696.321	82.239.116.975
Số dư cuối kỳ	79.071.263.888	2.631.014.276	81.702.278.164

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá 16.012 triệu VND (1/1/2026: 14.093 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Chi tiết về số dư của các khoản tài sản cố định vô hình chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tài sản cố định vô hình (trình bày theo giá trị còn lại) như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sử dụng đất ở Thành phố Hồ Chí Minh	32.682.783.296	32.682.783.296
Quyền sử dụng đất ở Tỉnh Bình Định	8.964.906.874	9.047.950.282
Quyền sử dụng đất ở Thủ đô Hà Nội	7.932.120.000	7.932.120.000
Các tài sản cố định vô hình khác	32.122.467.994	32.576.263.397
	81.702.278.164	82.239.116.975

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	6.942.700.361
Số dư cuối kỳ	6.942.700.361
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	701.089.534
Số dư cuối kỳ	701.089.534
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	6.241.610.827

Bất động đầu tư cho thuê của Công ty là công trình nhà showroom nằm trên đường Tây Sơn, Phường Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê chưa được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc định giá.



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	539.128.321.292	232.783.623.387
Tăng trong kỳ	95.880.965.574	31.898.801.234
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.551.886.340)	(20.290.888.477)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(25.575.711.296)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	(3.147.048.438)	(4.138.801.273)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	(2.392.909.785)	-
Số dư cuối kỳ	620.917.442.303	214.677.023.575

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao (*)	577.005.314.017	503.589.550.775
Dây chuyền thuốc tiêm bột	23.496.972.309	23.496.972.309
Khác	20.415.155.977	12.041.798.208
Tổng cộng	620.917.442.303	539.128.321.292

(*) Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao là một trong những dự án đầu tư trọng điểm của Công ty, được triển khai tại Khu công nghiệp Nhơn Hội A, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với quy mô khoảng 30.000 m². Dự án nhằm mở rộng năng lực sản xuất thuốc công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh của Bidiphar và đáp ứng các tiêu chuẩn tiên tiến trong sản xuất dược phẩm trong nước và quốc tế. Tại ngày lập báo cáo này, dự án đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng và lắp đặt thiết bị.

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.747 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: không).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 446.295 triệu VND (1/1/2026: 220.562 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 26(b)).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phải trả người bán là bên thứ ba		
▪ Shanghai Tofflon Science and Technology Company Limited	32.628.495.000	33.458.881.599
▪ Cheiron Pharma GmbH	18.048.646.440	6.309.429.905
▪ Truking Technology Limited	12.591.236.550	13.001.682.260
▪ Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	8.871.784.504	19.264.779.810
▪ Các nhà cung cấp khác	146.346.255.598	132.103.447.569
Phải trả người bán là bên liên quan	-	153.713.002
	218.486.418.092	204.291.934.145

Xem thêm Thuyết minh 43 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

21. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược VP-Pharma	2.675.302.863	5.940.546.470
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Trường Phúc	1.824.006.801	1.299.177.301
Công ty Cổ phần Rexton	1.515.628.950	1.381.288.200
Saba Trade Company Limited - Monglia	1.170.587.705	15.702.737
Khác	4.626.180.379	6.784.054.398
	11.811.706.698	15.420.769.106

22. Phải trả cổ tức

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(phân loại lại)
Cổ tức của năm 2025 (Thuyết minh 33)	188.978.524.000	-
Cổ tức từ những năm trước	1.096.595.250	1.600.459.750
	190.075.119.250	1.600.459.750

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí khuyến mãi	25.830.923.041	22.538.050.984
Chi phí khác	1.694.658.749	1.414.590.033
	27.525.581.790	23.952.641.017

25. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải trả liên quan đến Quỹ từ thiện Thiên Phúc	1.028.022.166	1.028.022.166
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán	564.417.951	6.407.417.951
Phải trả khác	1.244.900.341	555.463.058
	2.837.340.458	7.990.903.175

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

26. Vay

	1/1/2026	Biến động trong kỳ		30/6/2026
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	27.214.775.628	96.067.046.353	(108.275.409.998)	15.006.411.983
Vay dài hạn	148.000.000.000	102.069.878.401	(8.000.000.000)	242.069.878.401
	175.214.775.628	198.136.924.754	(116.275.409.998)	257.076.290.384

(a) Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.006.411.983	27.214.775.628
Vay dài hạn đến hạn trả	16.000.000.000	16.000.000.000
	31.006.411.983	43.214.775.628



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (*)	15.006.411.983	14.268.551.500
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (*)	-	12.946.224.128
	15.006.411.983	27.214.775.628

Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 4,70% đến 5,50%.

(*) Các khoản vay ngắn hạn này được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn	242.069.878.401	148.000.000.000
	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	226.069.878.401	132.000.000.000

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Gia Lai – cổ đông lớn (Thuyết minh 31)					
▪ Khoản vay có đảm bảo số 1 (*)	Tài trợ dự án nhà máy sản xuất được phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội: Nhà máy thuốc điều trị ung thư	VND	2026 - 2027	20.000.000.000	28.000.000.000
▪ Khoản vay có đảm bảo số 2 (**)	Tài trợ dự án nhà máy sản xuất được phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội: Dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ	VND	2027 - 2032	120.000.000.000	120.000.000.000
				140.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (***)					
	Tài trợ dự án nhà máy sản xuất được phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội: Dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ	VND	2028 - 2033	102.069.878.401	-
				242.069.878.401	148.000.000.000

Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 5,50% đến 7,00%.

(*) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của dự án nhà máy thuốc điều trị ung thư (Thuyết minh 16).

(**) Khoản vay này được bảo đảm bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ (Thuyết minh 19).

(***) Khoản vay này được bảo đảm bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 19) và chi phí chờ phân bổ dài hạn (Thuyết minh 15) của dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	128.111.258.441	113.246.833.945
Hoàn nhập trong kỳ (Thuyết minh 30) (*)	(20.435.811.522)	-
Sử dụng trong kỳ	(3.618.059.095)	(2.097.617.249)
Số dư cuối kỳ	104.057.387.824	111.149.216.696

- (*) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2026, Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty đã phê duyệt việc thay đổi phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025, theo đó tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm từ 10% xuống còn 3%. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập phần trích lập theo tỷ lệ kế hoạch đã được phê duyệt theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025 số 56/NQ-ĐHĐCĐ2025 mà trước đây đã được ghi nhận vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và điều chỉnh tăng khoản này vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

28. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	10.110.176.000	7.790.562.288

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	7.790.562.288	7.267.083.725
Trích lập trong kỳ	2.333.163.712	257.858.275
Sử dụng trong kỳ	(13.550.000)	-
Số dư cuối kỳ	10.110.176.000	7.524.942.000

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

29. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 05/2022/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư 67/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026			
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	115.949.061.957	16.821.268.119	132.770.330.076
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(1.391.921.159)	(1.391.921.159)
Sử dụng quỹ	(6.997.988.589)	-	(6.997.988.589)
Số dư cuối kỳ	108.951.073.368	15.429.346.960	124.380.420.328

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	88.177.085.243	19.466.934.377	107.644.019.620
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(1.379.606.547)	(1.379.606.547)
Số dư cuối kỳ	88.177.085.243	18.087.327.830	106.264.413.073

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 (đã phân loại lại)	935.938.470.000	20.921.442.000	2.407.834.105	(1.952.796.558)	201.686.964.998	430.581.279.331	1.589.583.193.876
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	156.759.611.405	156.759.611.405
Cổ tức	-	-	-	-	-	(187.107.524.000)	(187.107.524.000)
Khác	-	-	(338.915.687)	-	-	-	(338.915.687)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (đã phân loại lại)	935.938.470.000	20.921.442.000	2.068.918.418	(1.952.796.558)	201.686.964.998	400.233.366.736	1.558.896.365.594
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 (đã phân loại lại)	945.293.470.000	20.921.442.000	2.242.183.741	(1.952.796.558)	230.880.981.458	466.183.840.430	1.663.569.121.071
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	150.810.955.842	150.810.955.842
Điều chỉnh từ quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	20.435.811.522	20.435.811.522
Cổ tức (Thuyết minh 33)	-	-	-	-	-	(188.978.524.000)	(188.978.524.000)
Khác	-	-	(419.564.611)	-	-	-	(419.564.611)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	945.293.470.000	20.921.442.000	1.822.619.130	(1.952.796.558)	230.880.981.458	448.452.083.794	1.645.417.799.824

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

31. Vốn cổ phần và cổ phiếu mua lại của chính mình

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	94.529.347	945.293.470.000
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu mua lại của chính mình		
Cổ phiếu phổ thông	40.085	1.952.796.558
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	94.489.262	944.892.620.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động về vốn cổ phần trong kỳ.

Các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Gia Lai (trước đây là Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định)	12.485.606	13,21%	12.485.606	13,21%
KWE Beteiligungen AG	10.542.550	11,15%	10.053.550	10,64%
Các cổ đông khác	71.461.106	75,60%	71.950.106	76,11%
Cổ phiếu mua lại của chính mình	40.085	0,04%	40.085	0,04%
	94.529.347	100%	94.529.347	100%

32. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định (“SKHCNTBĐ”) liên quan tới hợp đồng “Nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất và đánh giá tiền lâm sàng viên nang cứng chứa cao khô được tối ưu hóa từ dây thìa canh (gymnema sylvestre)”.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

33. Cổ tức

Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc phê duyệt chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2025 với tỷ lệ 20% mệnh giá (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu), với tổng giá trị là 188.978.524.000 VND (2025: 187.107.524.000 VND). Tại ngày 14 tháng 8 năm 2026, Hội đồng Quản trị phê duyệt nghị quyết thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 28 tháng 8 năm 2026 và ngày thanh toán dự kiến là ngày 1 tháng 10 năm 2026. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.

34. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng

(a) Khoản phải thu về cho thuê

Các khoản phải thu về cho thuê theo các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng 1 năm	1.963.636.364	-
Từ 2 đến 5 năm	8.280.000.000	-
Trên 5 năm	22.518.720.000	-
	32.762.356.364	-

Tài sản cho thuê hoạt động gồm:

	Số lượng	Kỳ hạn cho thuê còn lại	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công trình nhà showroom nằm trên đường Tây Sơn, Phường Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.	1	166 tháng	32.762.356.364	-

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết đi thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng 1 năm	822.000.000	659.330.000
Từ 2 đến 5 năm	366.000.000	366.000.000
	1.188.000.000	1.025.330.000

Tài sản đi thuê hoạt động gồm:

	Số lượng	Kỳ hạn đi thuê còn lại	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê kho	2	6 – 18 tháng	618.000.000	672.000.000
Thuê nhà	1	24 tháng	480.000.000	-
Thuê văn phòng	1	9 tháng	90.000.000	353.330.000
			1.188.000.000	1.025.330.000

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính riêng:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	218.360.068.316	235.533.612.406

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Chi tiết số dư cam kết chi tiêu vốn lớn theo các dự án:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026		
	Giá trị theo hợp đồng VND	Giá trị đã ghi nhận VND	Giá trị cam kết còn lại VND
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao	784.520.481.692	577.005.314.017	207.515.167.675
Dây chuyền thuốc tiêm bột	24.091.972.569	23.496.972.309	595.000.260

	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026		
	Giá trị theo hợp đồng VND	Giá trị đã ghi nhận VND	Giá trị cam kết còn lại VND
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao	714.222.612.487	503.589.550.775	210.633.061.712
Dây chuyền thuốc tiêm bột	24.091.972.569	23.496.972.309	595.000.260

002
 CÔNG TY
 HÃN
 G THIẾT
 BỊ BÌNH ĐỊNH
 (PHAR)
 GIÁ L

(d) Tài sản giữ hộ cho các bên thứ ba

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Sản phẩm thuốc	2.600.327.607	3.300.110.000

(e) Ngoại tệ

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	19.068	501.417.650	60.745	1.584.058.578
EUR	125	3.784.805	129	3.914.245
		505.202.455		1.587.972.823

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán dược phẩm	898.844.815.912	904.675.794.187
▪ Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	7.815.969.834	6.405.376.113
▪ Doanh thu bán vật tư y tế	2.648.843.467	2.022.631.051
▪ Doanh thu khác	911.916.210	41.570.130
	910.221.545.423	913.145.371.481
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán	14.139.540.019	32.181.309.121
▪ Hàng bán bị trả lại	2.608.422.287	1.534.855.604
	16.747.962.306	33.716.164.725
Doanh thu thuần	893.473.583.117	879.429.206.756

36. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn bán dược phẩm	480.595.080.244	425.701.252.438
▪ Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	1.371.491.478	3.000.294.195
▪ Giá vốn bán vật tư y tế	2.610.733.602	1.721.965.736
▪ Giá vốn khác	172.531.171	61.529.850
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.089.379.627)	(3.289.536.668)
	479.660.456.868	427.195.505.551



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***37. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi	16.787.493.122	8.333.136.270
Lợi nhuận được phân phối từ công ty con	3.701.759.144	2.957.510.456
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	939.769.525	725.035.081
	21.429.021.791	12.015.681.807

38. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chiết khấu thanh toán	4.223.312.330	3.355.983.309
Chi phí đi vay	1.502.114.786	1.504.623.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.001.424.234	1.329.156.493
	7.726.851.350	6.189.762.878

39. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên	101.364.281.229	123.069.672.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.136.470.807	79.216.545.587
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.705.759.263	1.603.975.254
Chi phí khác	25.798.355.986	12.446.528.867
	196.004.867.285	216.336.722.481

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.499.872.469	34.445.418.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.650.492.075	7.702.772.488
Chi phí khấu hao	1.197.269.558	4.577.092.037
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(736.361.337)	(2.636.652.332)
Chi phí khác	9.637.799.216	9.190.145.182
	47.249.071.981	53.278.775.598

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	407.783.373.895	288.612.924.362
Chi phí nhân công	207.129.296.125	204.324.654.695
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.535.635.415	25.441.143.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.321.051.997	121.573.956.574
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(3.492.577.252)	(5.668.330.725)
Chi phí khác	43.488.131.708	26.237.128.191

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

42. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	31.359.669.577	29.919.763.117
Dự phòng thiếu của những năm trước	560.090.881	-
	31.919.760.458	29.919.763.117
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	958.830.539	(151.607.103)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32.878.590.997	29.768.156.014

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	183.689.546.839	186.527.767.419
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.737.909.368	37.305.553.484
Ưu đãi giảm thuế từ Nhà máy Nhơn Hội	(4.662.955.242)	(7.565.259.436)
Thu nhập miễn thuế từ lợi nhuận được chia	(740.351.829)	(591.502.091)
Chi phí không được khấu trừ thuế	187.431.906	617.218.602
Dự phòng thiếu của những năm trước	560.090.881	-
Khác	796.465.913	2.145.455
	32.878.590.997	29.768.156.014

(*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm 3.702 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 2.957 triệu VND) lợi nhuận được phân phối từ một công ty con là thu nhập không chịu thuế.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là:

- theo thuế suất thuế TNDN thông thường 20% trên thu nhập chịu thuế thu được từ hoạt động sản xuất từ nhà máy Nguyễn Thái Học; và
- miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ nhà máy Nhơn Hội.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các quốc gia khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc Công ty về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

(e) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khấu hao TSCĐ	6.989.694.772	7.394.572.128
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.284.130.127	6.302.006.052
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.022.035.200	1.558.112.458
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000	400.000.000
	14.695.860.099	15.654.690.638

43. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty con</i> Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Bán hàng hóa	52.802.902.907	54.718.979.739	-	-
	Lợi nhuận được phân chia	3.701.759.144	2.957.510.456	-	-
	Mua hàng hóa	-	9.540.000	-	-
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Mua hàng hóa	336.412.351	162.201.852	-	(153.713.002)
	Bán hàng hóa	109.675.760	-	17.096.443	26.943.840
<i>Cổ đông lớn</i> Quý Dầu tư Phát triển tỉnh Gia Lai	Trả nợ vay	8.000.000.000	8.000.000.000	(140.000.000.000)	(148.000.000.000)
	Chi phí lãi vay ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	892.165.000	1.449.862.000	-	-
	Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.272.877.000	-	(223.014.000)	(240.688.000)
	Chi phí lãi vay đã trả	4.182.716.000	1.376.219.000	-	-



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	Chức vụ	Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Ban Giám đốc			
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	2.151.550.402	2.068.820.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.697.240.322	1.644.200.000
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	1.355.392.258	1.302.480.000
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc		
	(tới ngày 1 tháng 1 năm 2025)	-	462.100.000
Hội đồng Quản trị			
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch và Thành viên		
	Độc lập của Hội đồng Quản trị	971.000.000	968.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị	902.000.000	817.000.000
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị	752.000.000	1.144.406.667
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên Hội đồng Quản trị	752.000.000	767.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	752.000.000	767.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị	702.000.000	717.000.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	652.000.000	667.000.000
Ủy ban Kiểm toán			
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	-
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	-	-

44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản cố định mua nhưng chưa thanh toán	62.420.088.349	91.433.329.941
Chi phí lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	223.014.000	240.688.000

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 Ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

45. Thông tin so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi các chính sách kế toán. Các chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do việc thay đổi các chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 VND (phân loại lại)	1/1/2026 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (i)	123	410.987.276.713	406.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (i)	135	4.485.239.662	8.772.516.375
Phải trả cổ tức (ii)	313	1.600.459.750	-
Phải trả ngắn hạn khác (ii)	320	7.990.903.175	9.591.362.925
Vốn khác của chủ sở hữu (iii)	414	2.242.183.741	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác (iii)		-	2.242.183.741
Nguồn kinh phí (iii)		-	719.369.206
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (iii)		-	1.522.814.535

- (i) Lãi phải thu liên quan của tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được phân loại lại từ phải thu ngắn hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.
- (ii) Phải trả cổ tức được phân loại lại từ phải trả ngắn hạn khác sang phải trả cổ tức, một chỉ tiêu riêng trên báo cáo tình hình tài chính riêng.
- (iii) Nguồn kinh phí và quỹ khác, một chỉ tiêu riêng trên báo cáo tình hình tài chính riêng, được phân loại sang vốn khác của chủ sở hữu.

46. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập  Lê Thị Kiều My Người lập	Kế toán Trưởng  Đỗ Huy Phương Kế toán Trưởng	Đại diện pháp luật  Phạm Thị Thanh Hương Tổng Giám đốc
---	--	--

